

VÙNG BIỂN ĐẢO TÂY NAM TRONG TÂM NHÌN, CHÍNH SÁCH CỦA CHÚA NGUYỄN VÀ CÁC VUA ĐẦU TRIỀU NGUYỄN

NGUYỄN VĂN KIM

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài ngày 05/02/2026. Sửa chữa xong 25/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

Abstract

The Southwestern Sea constitutes a maritime space rich in natural resources and has long served as a traditional living area as well as an important economic and cultural hub of Vietnam. Continuing the undertakings of the Nguyễn lords and fully aware of the region's strategic significance, the early Nguyễn emperors—most notably Gia Long and Minh Mạng—established fundamental principles and institutional arrangements to manage the sea-island area, exploit and promote the potential of the maritime economy, and implement policies to expand regional influence. This article analyzes the orientations, objectives, and measures adopted by the Nguyễn dynasty in the Southwestern Sea, and examines the direct and long-term impacts of these policies, particularly their implications for safeguarding sovereignty and advancing socio-economic development in Southern Vietnam.

Keywords: Early Nguyễn emperors, Nguyễn lords, policy, Southwest Sea of Vietnam, vision.

1. Đặt vấn đề

Trên lãnh thổ và khu vực chủ quyền của đất nước ta, vùng Đông Bắc, phía Đông, Đông Nam và Tây Nam đều giáp biển. Nếu như ở vùng Đông Bắc có vịnh Bắc Bộ, một trung tâm kinh tế lớn, sớm có mối quan hệ mật thiết với các quốc gia Đông Bắc Á thì ở vùng cực Nam của Tổ quốc cũng có Biển Tây Nam, một không gian biển tương đối rộng lớn, giàu tiềm năng kinh tế và truyền thống văn hóa. Từ những thế kỷ đầu Công nguyên, cư dân vùng hạ châu thổ Mekong đã có nhiều mối quan hệ với các quốc gia khu vực Đông Nam Á và Nam Á¹... Cùng với Biển Đông, Biển Tây Nam là một không gian biển có trữ lượng tài nguyên tự nhiên phong phú, đồng thời là một trong những điểm đến của nhiều nền kinh tế, văn hóa khu vực, thế giới. Dựa vào các nguồn tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên biển, chủ nhân văn hóa Óc Eo không chỉ đã khai thác tài nguyên châu thổ, núi rừng, sông biển mà còn xác lập các mối quan hệ kinh tế, bang giao với nhiều quốc gia châu Á, thế giới [24, tr. 229-246].

Trải qua những biến thiên của lịch sử, đến thế kỷ XVII-XVIII, chính quyền Đàng Trong đã từng bước mở rộng ảnh hưởng vào lưu vực sông Đồng Nai và châu thổ Mekong. Các chúa Nguyễn đã cho thiết lập trạm thu thuế, khu định cư ở Biên Hòa, Gia Định rồi vươn tầm quản lý đến Hà Tiên và vùng biển đảo Tây Nam - một không gian sinh tồn mới đã mở ra cho những con người giàu bản lĩnh. Kế thừa di sản của chính quyền Đàng Trong, vương triều Nguyễn đã từng bước xác lập được quyền lực vững chắc ở châu thổ Cửu Long, trong đó có vùng đất, đảo, quần đảo và Biển Tây Nam Bộ.

Trong những thập niên gần đây, vùng biển đảo Tây Nam và vùng đất phương Nam của đất nước ngày càng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, khảo cứu. Nhìn chung, các nghiên cứu này đều hướng đến một cách nhìn tổng quan hoặc tập trung vào một số phương diện đặc thù. Chưa có nhiều bài viết

1) Trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2008). *Văn hóa Óc Eo & Vương quốc Phù Nam*. NXB Thế giới. tr. 328-347. Bài viết phân tích vị thế của vùng Biển Tây Nam trong không gian lịch sử - văn hóa Nam Bộ, tập trung làm rõ vai trò của vùng biển tiền tiêu thuộc hai tỉnh Kiên Giang, Cà Mau.

tập trung khảo cứu chuyên sâu về vùng biển đảo Tây Nam và đặt vùng biển này trong các không gian biển đảo Việt Nam, gắn với quá trình khai thác, xác lập chủ quyền, đấu tranh bảo vệ chủ quyền trên các vùng biển đảo. Cùng với các phương pháp cơ bản của khoa học lịch sử, bài viết cũng sử dụng phương pháp khu vực học, nghiên cứu liên ngành nhằm làm rõ chủ trương, mục tiêu, nội dung và kết quả chính sách mà các vua đầu triều Nguyễn đã thực thi ở vùng biển đảo phương Nam của đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tiềm năng, vị thế của một không gian biển

Do có vị thế địa - chiến lược, vùng Biển Tây Nam (gồm 5 tỉnh: Đồng Tháp - Vĩnh Long - Thành phố Cần Thơ - Cà Mau - An Giang) sớm là trung tâm sản xuất, cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa khu vực. Trong lịch sử, từ vùng biển này, nhiều tuyến hải trình đã được thiết lập với các quốc gia: Chân Lạp, Siam, Srivijaya, Majapahit, Palembang... Trong tâm thức của nhiều người Việt Nam, vùng Biển Tây Nam là miền đất tận cùng của Tổ quốc. Tuy nhiên, theo một cách tiếp cận khác, nhìn từ Nam lên Bắc thì đất mũi Cà Mau và các tỉnh miền Tây Nam Bộ, là *địa đầu, giữ vị trí tiền tiêu* của đất nước. Đây là các địa phương có điều kiện thuận lợi để tiếp nhận (và cả đối thoại, đối diện) với các thế lực chính trị, dòng chảy kinh tế, văn hóa đến từ Nam Á, Tây Á, châu Âu và châu Phi.

Nhìn từ vị thế biển Việt Nam cũng thấy, từ vùng Biển Tây Nam, qua hai eo biển lớn của Đông Nam Á là Malacca và Sunda, các đoàn thuyền có thể tiến xuống vùng Nam Thái Bình Dương hoặc đi về phía Tây để đến Ấn Độ Dương, với thế giới Nam Á, Tây Á và xa hơn nữa đến bờ đông của lục địa châu Phi và Địa Trung Hải. Vùng Biển Tây Nam, nơi có Vịnh Phú Quốc (*Phu Quoc Gulf*) nổi tiếng từ lâu đã là một vùng biển quen thuộc, từng là một trong những không gian sinh tồn chủ đạo của cư dân Óc Eo - Phù Nam. Về vị trí của Phù Nam, sách *Lương thư* xác định: “Nước Phù Nam ở phía Nam quận Nhật Nam, trong một vịnh lớn phía Tây biển, cách Nhật Nam khoảng 7.000 dặm, cách Lâm Ấp về phía Tây Nam hơn 3.000 dặm. Kinh thành cách biển 500 dặm. Trong nước có con sông lớn, rộng 10 dặm, chảy theo hướng tây bắc sang phía đông, đổ ra biển. Nước ấy rộng hơn 3.000 dặm, đất thấp và bằng phẳng. Khí hậu và phong tục gần giống Lâm Ấp. Sản vật nước ấy có vàng, bạc, đồng, thiếc, trầm hương, ngà voi, lông tra, chim vẹt ngũ sắc” và nhiều hải sản, lâm sản quý hiếm khác.

Biển Tây Nam là vùng biển tương đối kín. Cùng với hai eo biển lớn ở phía tây bắc đảo Sumatra là Malacca và phía đông nam là Sunda, ở phần đông của bán đảo Mã Lai còn có eo Kra (*Kra isthmus*). Kra từng giữ vai trò trọng yếu trong tuyến giao thương liên Á, nối kết Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương. Eo biển nằm ở dải đất hẹp của vùng bán đảo Mã Lai và là cửa ngõ quan trọng nhất mà nhiều vương quốc cổ đã tiến hành các giao lưu kinh tế, văn hóa với vùng Tây Nam Á [10, tr. 20-25]. Trong nhiều thế kỷ (trước khi Malacca và Sunda được mở ra), Kra đã là eo biển chính, nơi kết tập hàng hóa và các di sản văn hóa, đức tin tôn giáo từ Ấn Độ truyền tới [20, tr. 356-384]. Điều chắc chắn là, trong hải trình từ Tây Nam Á xuyên qua Kra đến các cảng và chuỗi đảo ở Biển Tây Nam như: Thổ Châu, Phú Quốc [3], [17], [30], Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Đá Bạc (Cà Mau), và xa hơn về phía biển miền Trung là Côn Đảo, Cù Lao Ré (Lý Sơn) [11, tr. 107-132], [12], Cù Lao Chàm (tiền cảng của Chiêm Cảng - Hội An) [27], [15, tr. 13-30]... đều từng đóng vai trò quan trọng trong hệ thống giao thương châu Á.

Trên Biển Tây Nam có nhiều đảo (quần đảo) trong đó có những đảo vốn là địa bàn cư trú lâu đời của các lớp cư dân. Riêng vùng biển Kiên Giang (trước 01/7/2025) có 43 đảo có người sinh sống². Do những tác nhân lịch sử, văn hóa mà có một số đảo có thể đồng thời mang hai hay nhiều tên gọi khác nhau. Cùng với địa danh thuần Việt, cũng có một số đảo được đặt tên theo ngôn ngữ Mã Lai - Đa đảo. Ngay cách gọi “*Cù lao*” cũng là từ “*Pulao*” mà thành. Trong các đảo thuộc Biển Tây Nam, Phú Quốc bật lên vì tầm cỡ, tiềm năng kinh tế và cả những huyền tích lịch sử. Phú Quốc có diện tích 580km², là đảo

2) Quần đảo Thổ Châu (Thỏ Chu) có các đảo chính: Hòn Khoai: 5 đảo, An Thới: 15 đảo, Hải Tặc: 18 đảo, Bà Lụa: 35 đảo, Nam Du: 21 đảo. Cao độ các đảo trung bình khoảng 100m. Tuy nhiên, cũng có đảo như Hòn Nam Du cao 309m, Hòn Khoai cao 318m, Hòn Nghệ cao tới 323m, Hòn Tre cao 395m, Hòn Rái cao 405m, trên đảo Phú Quốc có Núi Chùa cao 565m. Nhiều đảo có nguồn nước ngọt phong phú, có đất canh tác, nhiều sản vật quý hiếm. Bà con vừa khai thác biển, chế biến hải sản, vận tải biển vừa làm nông, khai thác lâm nghiệp. Phú Quốc có trầm hương (rừng) và cũng có *long diên hương* (biển, do cá nhả táng sản ra), đặc biệt quý hiếm, thường dùng làm chất nền để chế hương liệu cao cấp.

ven bờ lớn nhất Việt Nam, có sức phát triển cao và nhiều ảnh hưởng nhất trong vùng vịnh. Về nguồn tài nguyên của đảo Phú Quốc, *Đại Nam nhất thống chí* ghi rõ: “Đồng tây cách nhau 200 dặm, nam bắc cách nhau 100 dặm; không có hồ báo mà nhiều lợn rừng, trong núi có hươu nai; yến sào, dây mây, gỗ tốt, đồi mồi, hải sâm, quế thơm. Đất ưa cấy lúa, sớm trồng các thứ đậu, ngô, dưa, ít cấy lúa nếp. Trong núi sản huyền phách, sắc óng ánh như sơn, có thể dùng làm hạt đeo, cục lớn có thể tạc hộp trầu, chén, đĩa. Có khi có long diên hương. Lại có cây hắc ban hương, ngoài vỏ có chấm lốm đốm, đen như trầm hương”³.

Là một vùng biển ấm, biển Phú Quốc là môi trường thuận lợi cho sự sinh trưởng của các loài hải sản. Theo điều tra, trong vùng biển có 273 loài cá, 44 loài tôm, 52 loài nhuyễn thể, 10 loài mực, 32 loài da gai và 6 loài thú biển, trong đó đặc biệt có loài bò biển (*dugong*), được ghi trong danh mục có nguy cơ tuyệt chủng, cần phải bảo vệ. Biển Phú Quốc cũng có hơn 150 loài cá cảnh, 48 loài động vật thân mềm, 25 loài da gai. Dải san hô ở Phú Quốc có tổng diện tích 470 ha với 260 loài, gồm cả san hô cứng và san hô mềm cùng với 9 loài cỏ biển, 50 loài rong biển [3]. Với hệ sinh thái biển phong phú đó, biển Phú Quốc được coi là vùng biển giàu tài nguyên, là bảo tàng tự nhiên quý giá bậc nhất của Việt Nam. Cùng với các đảo, hệ cảng ven bờ cũng thể hiện sự trù phú của Cà Mau, An Giang. Từ Rạch Giá đi về phía tây có mũi Hòn Chông với nhiều dải đá nhô ra biển. Hòn Chông từng nổi tiếng là nơi cung cấp hổ tiêu cho các đoàn thuyền buôn quốc tế. Các đoàn thuyền buôn từ Quảng Đông, Phúc Kiến, Hạ Môn, Hải Nam (Trung Quốc); Batavia (Indonesia), Siam (Thái Lan)... thường đến Rạch Giá, Hà Tiên để cất hàng.

Cư dân miền Tây - vùng Biển Tây Nam từng sớm nổi tiếng về các nghề thủ công. Từ thế kỷ XVII, người Hà Tiên đã khai thác những nguồn lợi, đặc sản địa phương để chế biến thành sản phẩm hàng hóa có giá trị. Người Hà Tiên, Phú Quốc giỏi nghề làm sáp trắng (bạch lập), hổ tiêu, chế biến hải sản, làm nước mắm, đánh bắt đồi mồi... Thuyền buôn Trung Quốc, Siam, Mã Lai thường nhập về các loại hàng này. Trong tác phẩm *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn từng viết về giá trị của huyền phách: “Huyền phách sản ở trấn Hà Tiên, có khối như khối đồng, sắc đen như sắt, người ta nói dùng nó có thể lánh được gió độc, tiện làm tràng hạt”⁴. Tác giả sách *Gia Định thành thông chí* cũng cho rằng: “Thuyền Quỳnh Châu ở Quảng Đông thường đến đậu ở hải đảo để mua hải sâm, bong bóng cá, lẫn với dân ta, buôn, thuyền liên nhau”. Với vùng Đông Hồ thuộc Hà Tiên: “thuyền biển buôn neo chen nhau, khách buôn tụ tập”⁵.

Như vậy, chính môi trường, tài nguyên của vùng Biển Tây Nam đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển phồn thịnh của các trung tâm kinh tế khu vực. Mặt khác, quá trình lao động sáng tạo của các lớp cư dân đã làm cho vùng biển này trở nên nổi tiếng trong lịch sử Đông Nam Á và thế giới. Trên vùng đất phương Nam, từ nửa thế kỷ XVIII dưới sự quản lý của họ Mạc, người Hà Tiên đã đạt những thành tựu quan trọng trong công cuộc khai phá, phát triển và trở thành một trung tâm kinh tế ở miền Tây Nam Bộ. Sách *Hoàng triều Văn hiến Thông khảo* từng viết: “Cảng khẩu là một tiểu quốc ở miền Nam Hải... dân xứ này thích văn chương chữ nghĩa, sách vở thánh hiền. Xứ này có cả đền thờ đức Khổng Phu Tử có trường để dạy các thanh niên... Sản vật có hải sâm, cá, thịt, tôm khô. Vào năm Ung Chính thứ 7 (1729), một đường thương mại giữa xứ này với Quảng Đông đã được thiết lập dài cả 7.200 lý đường bể”⁶.

2.2. Tầm nhìn hướng Nam của các chúa Nguyễn

Trải qua những biến thiên của lịch sử, đến thế kỷ XVII-XVIII, từ miền Trung, chính quyền Đàng Trong đã từng bước mở rộng ảnh hưởng vào lưu vực sông Đồng Nai và châu thổ Mekong [9, tr. 42-68]. Chính quyền Phú Xuân đã thiết lập các trạm thu thuế, khu định cư ở Biên Hòa, Gia Định rồi từng bước mở rộng ảnh hưởng đến Hà Tiên - một không gian sinh tồn mới đã mở ra cho những con người giàu bản lĩnh. Đến thế kỷ XVIII, kế thừa di sản của chủ nhân văn hóa Óc Eo - Phù Nam, các chúa Nguyễn đã từng bước xác lập được quyền lực vững chắc ở châu thổ Cửu Long trong đó có vùng đất, biển đảo Tây Nam Bộ [28, tr. 41-49].

Trong sự nghiệp mở cõi, điều khiển cho chính quyền Đàng Trong và họ Mạc ở Hà Tiên trăn trở nhất

3) Theo Quốc sử quán triều Nguyễn (1997). *Đại Nam nhất thống chí* (tập 5). NXB Thuận Hoá. Huế. tr.18. Long diên hương là sản vật tự nhiên đặc biệt quý hiếm, có thể do cá nhà tâng tạo thành. Long diên hương là được coi là nguyên liệu chính, chất dẫn để chế các loại nước hoa cao cấp.

4) Lê Quý Đôn (1977). *Phủ biên tạp lục*. NXB Khoa học Xã hội. tr. 330.

5) Trịnh Hoài Đức (1998). *Gia Định thành thông chí*. Đỗ Mộng Khương - Nguyễn Ngọc Tinh dịch. Quyển 2. NXB Giáo dục. tr. 69.

6) Dẫn theo Sơn Hồng Đức (1973). *Vịnh Thái Lan*. Trầm hoa Miền Tây. tr. 38.

chính là sự nhòm ngó và tham vọng chính trị từ phía triều đình Ayutthaya (1351-1767). Trong các thế kỷ XVII-XVIII, vương triều này từng nuôi nhiều tham vọng lãnh thổ ở Đông Nam Á. Do thực hiện chính sách khai mở và biết triệt để phát huy tiềm năng kinh tế khu vực mà các thương cảng Siam luôn là điểm đến hấp dẫn của nhiều đoàn thuyền buôn Âu - Á [16, tr. 168-171]. Với Đàng Trong, do nằm trên trục phía đông của tuyến hải thương châu Á, thuyền buôn Ayutthaya thường ghé vào các cảng miền Trung để tránh bão, lấy thực phẩm, nước ngọt. Từ đây, các đoàn thuyền tiếp tục tiến lên vùng Đông Bắc Á. Người Thái ngày càng nhận thấy tầm quan trọng, lợi ích kinh tế của vùng Biển Tây Nam và hệ thống thương cảng Đàng Trong [21, tr. 181-208]. Do vậy, cùng với một số thuyền đến Hội An, Nước Mặn... vì mục tiêu kinh tế cũng có không ít thuyền Siam được cử đến Đàng Trong để vừa buôn bán, trao đổi hàng hóa vừa thực hiện mục tiêu thăm dò tin tức.

Chính sách ngoại giao mềm dẻo nhưng có nguyên tắc của chúa Nguyễn đã ngăn chặn được nhiều toan tính của phía Siam, khiến nước này phải nhân nhượng trong nhiều hoạt động bang giao nhưng, chính sách đó đã không thể loại trừ được tham vọng của thế lực cầm quyền Siam đối với vùng đất phương Nam, trong đó có Hà Tiên. Cũng cần phải nói thêm là, sự sáng tạo trong các phương cách quản lý kinh tế của Mạc Cửu (1655-1735), Mạc Thiên Tứ (1718-1780) [29, tr. 93-111] đã đưa Hà Tiên, Phú Quốc trở thành trung tâm tụ cư và vùng đất trù mật.

Hà Tiên - Phú Quốc không chỉ nổi tiếng về các sản vật như: hải sản, nước mắm, yến sào, đồi mồi... mà còn có một số loại lâm sản quý như gỗ kiền kiền, gỗ sao chuyên dùng để đóng thuyền. Từ nhiều thế kỷ trước đây, gỗ sao vẫn được nhiều thuyền gia hàng hải Á, Âu chọn lựa để đóng thuyền đi biển. Ngọc trai, trầm hương của Phú Quốc cũng có chất lượng tốt và được nhiều thị trường thế giới ưa chuộng. Cùng với đó, cư dân vùng Biển Tây Nam cũng thành thạo kỹ thuật canh tác nông nghiệp, giỏi nắm bắt quy luật vận động của sông nước, thông hiểu nghề buôn. Trong quá trình sinh tụ, họ đã sớm thích nghi và làm chủ nguồn tài nguyên trù phú với đất đai, sông, đầm, kênh rạch và hệ động, thực vật nhiệt đới. Trên một vùng đất mà “mỗi lợi sông chằm không bao giờ hết”⁷ hệ sinh thái tự nhiên đã góp phần nuôi dưỡng, làm phong phú đời sống, sinh hoạt và tạo nên sức hút khiến nhiều dòng người tìm đến lập nghiệp.

Nhìn lại lịch sử bang giao giữa Việt Nam với các quốc gia khu vực ta thấy, do sự gắn gũi về địa lý, lại sớm coi trọng quan hệ ngoại thương nên các nguồn hàng từ vương quốc Siam từng có vai trò nhất định trong quan hệ kinh tế của Đàng Trong [8, tr. 575-579]. Đến thế kỷ XVI-XVII, vương quốc này vẫn tiếp tục duy trì nhiều mối quan hệ với các chúa Nguyễn. Theo thương nhân người Anh Bowyear, vào thế kỷ XVII (1697), thuyền buôn từ Đông Nam Á thường đem đến Đàng Trong nhiều loại hàng hóa “Từ Siam: lá trầu không, gỗ đỏ (dùng để nhuộm vải), sơn, xà cừ, ngà voi, thiếc, chì, gạo; từ Campuchia: thư hoàng (dùng làm thuốc vẽ), cánh kiến trắng, sa nhân, sáp, sơn, xà cừ, gỗ đỏ, nhựa thông, da trâu, da và gân hươu, ngà voi, sừng tê,...; từ Batavia: bạc, đàn hương, trầu không, vải cát bá đỏ và trắng, thuốc màu đỏ; từ Manila: bạc, diêm sinh, gỗ đỏ, vỏ sò, thuốc hút, sáp, gân hươu. Còn Đàng Trong bán ra: vàng, sắt, tơ và hàng dệt như lĩnh, lụa... kỳ nam, trầm hương, đường, đường phèn, yến sào, hạt tiêu, bông...”⁸.

Trong thời gian đó, giữa chính quyền Đàng Trong với Siam và các quốc gia khác trong khu vực đã trao đổi một số văn thư ngoại giao. Năm Cảnh Hưng thứ 16 (1756), nước này đã gửi thư sang nhắc lại “việc hòa thân lâu đời” và đề nghị chúa Nguyễn Phúc Khoát (cq: 1738-1765) tạo điều kiện cho thuyền buôn đến giao thương. Thư viết: “Nước An Nam và nước Xiêm cùng một dải biển rộng, liên hợp chung trời, hai nước dù cách nhau, cũng như chung một cõi đất, đưa đi rước lại, quan ải xa xôi, trải đổi bao đời, đều giữ đạo tốt yêu mến người xa và giao thiệp láng giềng... Kính dâng bệ hạ thượng quốc An Nam muôn tuổi sống lâu, rộng thương đến lời tâu bày dưới gác”⁹.

Trong thư trả lời, chúa Nguyễn nhấn mạnh đến truyền thống trong quan hệ hòa hiếu và khẳng định:

7) Quốc sử quán triều Nguyễn (1997). *Đại Nam nhất thống chí* (tập 5). Sdd. Tr. 27.

8) Dẫn theo Thành Thế Vỹ (1961). *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*. NXB Sử học. tr. 227.

9) Lê Quý Đôn (1977). *Phủ biên tạp lục*. Sdd. tr. 262.

“Nước tôi với quý quốc giao kết với nhau đời đời làm láng giềng, không một mảy lông ngờ vực, lòng tin thực bền như vàng đá”¹⁰. Nhưng cùng với những ngôn từ ngoại giao đó, chúa Nguyễn cũng đã kiên quyết yêu cầu chính quyền Siam phải trả lại quân dân xiêu dạt, cam kết phối hợp tiêu trừ hải tặc, đồng thời không khéo từ chối không cấp cho Siam 10 thẻ long bài để ngăn chặn khả năng thương nhân nước này chiếm ưu thế vượt trội trong các hoạt động hải thương. Hành động chối từ đó còn nhằm giành quyền chủ động trong việc kiểm soát sự thâm nhập của người Siam vào các vùng lãnh hải và cảng thị của Đàng Trong.

Sau khi được chúa Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) trao chức Tổng binh trấn Hà Tiên năm 1708, Mạc Cửu và tiếp đó là con trai ông - Mạc Thiên Tứ đã nhận thấy sức mạnh thực tế của Đàng Trong và muốn dựa vào sự ủng hộ của chính quyền Phú Xuân. Họ Mạc đã đặt niềm tin, luôn duy trì quan hệ mật thiết với các chúa Nguyễn. Về kinh tế, thế lực này không ngừng thắt chặt quan hệ với chúa Nguyễn qua những hoạt động hải thương. Ngoài 3 chiếc thuyền mang long bài được miễn thuế (cấp năm 1736), được xuất dương để tìm mua các sản vật quý hiếm; chúa Nguyễn còn cho mở Cục đúc tiền để tiện việc giao thương. Cùng với đó, khi thuyền từ Hà Tiên đến buôn bán với Hội An, thương cảng quốc tế lớn nhất của Đàng Trong, các thuyền này chỉ phải nộp một mức thuế nhẹ. Cụ thể, “thuế đến là 300 quan, thuế về là 30 quan”¹¹. Nếu so sánh với thuyền từ Siam và Luzon (Lữ Tống), các thuyền này đều phải chịu mức thuế đến là 2.000 quan, thuế về là 200 quan. Mức thuế đó có thể là do thuyền buôn từ Hà Tiên có trọng tải nhỏ nhưng nhiều khả năng đó là chính sách ưu ái của chúa Nguyễn trong mối thâm giao với những người đứng đầu vùng đất này.

Nhận thấy quan hệ giao thương khu vực đang có nhiều điều kiện phát triển thuận lợi, tiếp nối những tư tưởng kinh doanh của Mạc Cửu, Mạc Thiên Tứ đã chủ động “chia đặt nha thuộc, kén bổ quan ngũ, đắp thành lũy, mở phố chợ, khách buôn các nước đến họp đồng. Lại với những người văn học, mở Chiêu Anh Các, ngày ngày cùng nhau giảng bàn và xướng họa”¹². Trong giai đoạn 1724-1750, quan hệ giao thương giữa Trung Quốc với Đông Nam Á đã tăng lên gấp 3 lần ở Phúc Kiến và 5 lần ở Quảng Đông. Thuyền buôn Trung Quốc đến Đàng Trong (*Cochinchina*) trong giai đoạn 1750-1820 tăng lên gấp 4 lần. Sự xuất hiện thường xuyên của các thuyền buôn phương Bắc đã góp phần gia tăng nguồn thu của chúa Nguyễn. Tổng thu nhập của chính quyền Đàng Trong giai đoạn 1746-1752 khoảng 380.700 quan nhưng đến năm 1800 chỉ riêng nguồn thu từ Gia Định đã là 489.790 quan. Tương tự như vậy, nguồn thu từ thương mại của chính quyền Siam giai đoạn 1740-1820 cũng tăng lên gấp khoảng 4 lần. Mỗi lợi thu được từ giao thương với Đông Nam Á cũng đã làm thay đổi cuộc sống của nhiều bộ phận cư dân miền Nam Trung Quốc [13, tr. 3].

Vào nửa sau thế kỷ XVIII, Quảng Đông (Canton, cảng duy nhất tiếp tục được mở sau năm 1757) vẫn duy trì nhiều quan hệ với vùng châu thổ Mekong. Các nguồn tư liệu cho thấy, nhiều đoàn thuyền mành từ Quảng Đông đã đến buôn bán với Sóc Trăng, Cảng Khẩu (Cancão, Hà Tiên) và cả với Chân Lạp. Trong số 37 thuyền buôn đến Đông Nam Á, có tới 85 đến 90% trong số đó đã đến khu vực hạ châu thổ Mekong. Một số nhà nghiên cứu quốc tế gọi đó là “*Water frontier*” như một vùng biên giới mềm, năng động. Nguồn tư liệu của thương nhân người Anh cũng cho thấy, trong số 34 thuyền trở về Quảng Đông năm 1767 có 9 thuyền từ miền Trung, 9 thuyền từ Sóc Trăng, 7 thuyền từ Hà Tiên, 2 thuyền từ Chân Lạp, 4 thuyền từ Palembang và 1 thuyền từ Batavia. Về hàng hóa, các nguồn tư liệu cũng cho thấy, vào năm 1761 có 2.539 *piculs* trầm hương được xuất khẩu từ Đàng Trong (Hội An?) ra thị trường thế giới. Trong khi đó, chỉ có 563 *piculs* gỗ trầm được xuất từ Siam. Sau chiến tranh Siam - Miến (lần thứ năm: 1766-1767), nước này chỉ xuất 200 *piculs* thiếc trong khi Hà Tiên xuất 2.700 *piculs* và 1.000 *piculs* được xuất từ vùng Sóc Trăng và Chân Lạp, vốn là những nơi thường xuất khẩu thiếc nguyên chất. Các tư liệu cũng cho thấy, Hà Tiên còn xuất nhiều thóc gạo và đó là sản phẩm xuất khẩu chính yếu của Hà Tiên và vùng châu thổ Mekong [14, tr. 148-149].

Nằm ở địa đầu của đất nước, một trung tâm kinh tế quan trọng trên tuyến hải trình từ vùng hạ lưu

10) Lê Quý Đôn (1977). *Phủ biên tạp lục*. Sdd. tr. 267.

11) Lê Quý Đôn (1977). *Phủ biên tạp lục*. Sdd. tr. 232.

12) Quốc sử quán triều Nguyễn (2002). *Đại Nam thực lục tiền biên* (tập 1). NXB Giáo dục. tr. 145-146.

Chao Phraya đến các cảng miền Đông Nam Bộ, Hà Tiên trở thành tâm điểm, nơi “đá thử vàng” trong quan hệ giữa chính quyền Đàng Trong và dòng họ Mạc với các thế lực khu vực. Sau khi dựng dinh Trấn Biên (tức vùng Biên Hòa ngày nay) vào năm 1698, năm Hiên Tông thứ 17 (1708), chúa Nguyễn Phúc Chu (cq: 1691-1725) đã thực hiện một quyết định táo bạo nhưng cũng đầy bản lĩnh đó là bổ dụng Mạc Cửu (1655-1735), một ngoại kiều, ngoại tộc và cũng không phải thuộc dòng quan lại chính thống, làm Tổng binh trấn Hà Tiên¹³. Mạc Cửu vốn là người Lôi Châu (Quảng Đông), do nhà Minh mất nên chạy xuống phương Nam, đến vùng Hà Tiên xin được định cư, khai phá. Vốn là một thương gia lớn, có kinh nghiệm và tầm nhìn về kinh tế, khi đến Hà Tiên thấy nhiều thương nhân thương qua lại buôn bán, ông bèn mở các sòng bạc để thu thuế¹⁴. Nhân đó, Mạc Cửu còn cho “chiêu tập dân xiêu dạt đến các nơi Phú Quốc, Cồn Bọt, Giá Khê, Luống Cày, Hương Úc, Cà Mau (thuộc tỉnh Hà Tiên) lập thành 7 xã thôn. Thấy ở đất ấy tương truyền có người tiên thường hay hiện ra ở trên sông, nhân thế đặt tên là Hà Tiên. Đến đấy Cửu ủy cho người bộ thuộc là Trương Cầu và Lý Xá dâng thư xin làm Hà Tiên trưởng. Chúa nhận cho, trao cho chức Tổng binh. Cửu xây dựng dinh ngũ, đóng ở Phương Thành, nhân dân ngày càng đến đông”¹⁵. Họ Mạc đã đánh giá đúng xu thế vận động chính trị, sức mạnh thực tế của chính quyền Đàng Trong và các thế lực khu vực. Việc thiết lập thành công trạm thu thuế đã “đánh dấu một bước tiến quan trọng của người Việt trên con đường chính thức hóa công cuộc khai phá vùng đất phương Nam” để từ đó chúa Nguyễn đã “triển khai các hoạt động thực thi và bảo vệ chủ quyền một cách kiên quyết và hiệu quả”¹⁶.

Về phần mình, do hiểu rõ những thay đổi trong hệ thống thương mại quốc tế, một mặt chúa Nguyễn muốn khai thác tiềm năng kinh tế nông nghiệp của vùng châu thổ, nhưng mặt khác cũng muốn nắm giữ các nguồn tài nguyên tự nhiên, kinh tế biển và nguồn lợi từ một số thương cảng để tăng cường sức mạnh kinh tế, chu cấp cho bộ máy hành chính ngày càng trở nên quan liêu. Thêm vào đó, ở vào thế đối lập với chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài lại chưa thiết lập được quan hệ chính thức với nhà Thanh, đồng thời nhận thấy chính sách thiếu nhất quán của Chân Lạp, âm mưu thôn tính của Siam, tiềm năng thương mại, kinh tế của Hoa kiều,... chúa Nguyễn đã tìm cách tranh thủ lực lượng Mạc Cửu và nhìn chung đã đối xử hậu tình với các thế lực lưu tán¹⁷.

Thời kỳ Mạc Cửu và Mạc Thiên Tứ, chính quyền Phương Thành theo đuổi *chính sách trọng thương*, thiết lập cơ chế *tự do kinh doanh*. Do vậy, Hà Tiên trở thành xứ hấp dẫn đối với giới thương nhân trong nước, quốc tế. Song cũng do hoạt động thương mại phát triển mà Hà Tiên (và cả miền Tây) trở thành tiêu điểm chú ý và là mục tiêu xâm nhập của chính quyền Ayutthaya, một vương quốc luôn muốn khẳng định vai trò nổi bật trong các hoạt động chính trị, kinh tế khu vực. Là một nhà quản lý giàu bản lĩnh, Mạc Thiên Tứ tiếp tục mở rộng các cảng cho tàu buôn ngoại quốc đến buôn bán. Thời bấy giờ, Hà Tiên được ví như một “Tiểu Quảng Châu”, là điểm đến của nhiều đoàn thuyền buôn từ Mã Lai, Sumatra, Java, Siam, Ấn Độ, Miến Điện; Phúc Kiến, Hải Nam... Hằng năm, vào ngày 12 tháng Chạp (ngày sinh của Mạc Thiên Tứ) thuyền buôn vào cảng được miễn thuế. Nhân dịp đó, giới thương gia ngoại quốc thường bày tỏ thiện cảm của mình với nhà chức trách sở tại. Trong quan hệ, các thuyền buôn từ Mã Lai được ưu ái nhưng, sự ưu ái nhất luôn dành cho các thương thuyền đến từ Miến Điện vì nước này là đối thủ của Siam.

13) Về sự kiện Mạc Cửu được chúa Nguyễn phong chức Tổng binh trấn Hà Tiên, các bộ sử ghi có khác nhau. *Đại Nam thực lục* viết năm 1708. Nhưng *Đại Nam nhất thống chí* (NXB Thuận Hoá) năm 1997 lại viết ở trang 6 là năm Giáp Ngọ (1714), đến trang 31 lại ghi năm 1708. Theo chúng tôi, năm 1708 là xác thực.

14) Phan Khoang (2001). *Việt sử xứ Đàng Trong*. NXB Văn học. tr. 326.

15) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục tiền biên* (tập 1). NXB Giáo dục. tr. 122.

16) Nguyễn Quang Ngọc (2008). *Mấy nét về quá trình tổ chức khai phá đất đai, xác lập và thực thi chủ quyền trên đất Nam Bộ của chúa Nguyễn từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII*. Trong Văn hóa Óc Eo & Vương quốc Phù Nam. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Tr. 368. Nhiều khả năng, sau năm 1623 chúa Nguyễn đã đặt vùng Mô Xoài, Đồng Nai vào tầm kiểm soát. Vì thế, năm Mậu Tuất (1658) khi vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân đến đây đã bị chúa Nguyễn Phúc Tần coi là hành động “phạm biên cảnh”.

17) Theo Trần Kinh Hoà “*Họ Mạc và chúa Nguyễn ở Hà Tiên*”, thì Mạc Cửu đến định cư ở vùng Mang Khảm vào khoảng năm 1680. Trước đó, năm 1679 Tổng binh Long Môn (Quảng Đông) là Dương Ngạn Địch cùng với phó tướng Hoàng Tiến và Tổng binh các châu Cao, Lôi, Liêm là Trần Thượng Xuyên, phó tướng Trần An Bình, sau khi chống Thanh thất bại đã đem hơn 3.000 người cùng 50 chiến thuyền đến nương nhờ chúa Nguyễn Phúc Tần. Chính quyền Đàng Trong đã cho khai phá vùng Đồng Nai, Mỹ Tho. “Họ vỡ hoang, dựng phố xá, thuyền buôn của người Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tập nập”. *Đại Nam thực lục tiền biên*, Sdd, tr.91. Tham khảo thêm Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên, 2001). *Tiến trình lịch sử Việt Nam*. NXB Giáo dục. tr. 145.

Trong quan hệ kinh tế, để tạo điều kiện cho lưu thông, cùng với việc sử dụng các loại tiền mà chúa Nguyễn đã cho đúc năm 1736, họ Mạc ở Hà Tiên còn cho phép thương nhân trong nước, quốc tế sử dụng hai loại ngoại tệ khác là tiền đồng Trung Quốc và *dollars* Tây Ban Nha. Đơn vị trọng lượng được thống nhất là *piculs* (tương đương 60kg). Thương nhân Trung Quốc thường đưa đến Hà Tiên các sản phẩm đặc thù, phục vụ cho cuộc sống thường ngày như: Gốm sứ, đồ gỗ gia dụng, sơn mài, tơ lụa, bánh kẹo, trà, trang phục, ... Họ nhập về cau, thiếc, gỗ mun, yến sào, đậu khấu, da hươu, tôm khô, trầm hương và hồ tiêu. Trong nhiều thập niên, giới Hoa thương cũng chở nhiều thóc gạo về phương Bắc. Trước khi khởi nghĩa Tây Sơn nổ ra (1771-1802), mỗi năm có khoảng 341 thuyền buôn đến Đàng Trong mua lương thực. Tổng số thóc gạo xuất ra bên ngoài hằng năm khoảng 5.000 đến 6.000 tấn. Chúa Nguyễn cũng cho nhiều thuyền đến mua gạo từ châu thổ Cửu Long. Chiến tranh bùng nổ, nguồn cung cấp thóc gạo từ phương Nam bị gián đoạn, lập tức tình trạng đói kém diễn ra trầm trọng ở miền Trung, thách thức quyền lực của chúa Nguyễn. Trong khi đó, theo đường biển, thóc gạo của vùng châu thổ Mekong vẫn tiếp tục được xuất sang Trung Quốc và nhiều nước Đông Nam Á¹⁸. Cả Tây Sơn và thế lực Nguyễn Ánh đều chú ý đến giới điền chủ giàu có đang nắm giữ sức mạnh kinh tế ở vùng châu thổ nhưng, hai thế lực chính trị đã theo đuổi những chính sách khác biệt với giới đại điền chủ Nam Bộ cũng như với thế lực Hoa kiều. Hệ quả là, nhiều người giàu có, có ảnh hưởng ở Nam Bộ đã không theo Tây Sơn mà ngả về phía Nguyễn Ánh. Thực tế lịch sử cho thấy, để giành đoạt quyền lực với Tây Sơn, Nguyễn Ánh đã huy động nhiều nguồn lực của vùng Đồng Nai - Gia Định và châu thổ Cửu Long vào cuộc chiến. Trong quá trình đó, giới đại điền chủ Nam Bộ và Hoa thương đóng vai trò quan trọng [4, tr. 166-170]. Nhờ có tiềm lực kinh tế mà Nguyễn Ánh có thể cử đại diện (kể cả người Hoa, Pháp, Anh) đến Goa, Malacca, Penang, Macao, và sau đó là Singapore mua đại bác, súng, đạn, thuốc súng, trang thiết bị phục vụ cuộc chiến [5, tr. 86].

2.3. Khẳng định, bảo vệ chủ quyền Nam Bộ và không gian biển đảo

Trong bối cảnh, triều Minh (1368-1644) ở Trung Quốc sụp đổ, nhà Thanh (1644-1911) thay thế; người Miến tổ chức nhiều cuộc tấn công vương quốc Siam; sự thâm nhập khá thường xuyên của cư dân hải đảo và cả sự hiện diện của các thế lực chính trị, tôn giáo phương Tây, ... đã có nhiều tác động đến vị thế chính trị và quan hệ giữa các quốc gia khu vực. Trước những thách thức lịch sử, chính quyền Đàng Trong và cư dân vùng đất, biển đảo Tây Nam Bộ đã bền bỉ đấu tranh để bảo vệ không gian sinh tồn truyền thống, cương quyết khẳng định cương giới, giữ vững chủ quyền.

Do những tham vọng chính trị, năm 1784 giới cầm quyền Siam đã huy động một lực lượng quân sự gồm 20.000 quân và 300 chiến thuyền từ Vọng Các (Bangkok) phối hợp với 30.000 bộ binh từ Chân Lạp tiến sang xâm lược nước ta. Đến đầu năm 1785, dưới sự chỉ huy trực tiếp của thiên tài quân sự Nguyễn Huệ (1788-1792), chỉ trong một ngày (ngày 10/12 năm Giáp Thìn, 19-1-1785) quân Tây Sơn đã đánh tan quân Siam trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút, chặn đứng tham vọng bành trướng về phía đông của triều đại Chakri I [25, tr. 311-350]. Theo các sử gia triều Nguyễn: "*Người Xiêm từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn, mệnh tuy nói khoát mà lòng thì sợ Tây Sơn như cọp*"¹⁹. Nhận thấy khó có thể tiếp tục theo đuổi chính sách hướng Đông, chính quyền Siam phải điều chỉnh mục tiêu chiến lược, hướng phạm vi ảnh hưởng xuống vùng bán đảo Mã Lai và Đông Nam Á hải đảo.

Để bảo vệ chủ quyền biển đảo, khẳng định cương giới và các nguồn lợi kinh tế biển, tuyển hải thương, chúa Nguyễn đã cho lập đội "Hoàng Sa", "Bắc Hải" để kiểm soát, bảo vệ các không gian biển. Với vùng biển đảo Tây Nam, nhận thấy đội Hoàng Sa khó có thể vừa quản lý Hoàng Sa vừa tiếp tục kiểm quản vùng biển Trường Sa và Hà Tiên nên chúa Nguyễn đã cho lập thêm đội Bắc Hải. Theo Lê Quý Đôn (1726-1784), chúa Nguyễn đã chọn "hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu và các tiền tuần đồ, cho đi thuyền câu nhỏ

18) Li Tana. (2004). *The Late-Eighteenth and Early Nineteenth Century Mekong Delta in the Regional Trade System*. Trong Nola Cooke and Li Tana: *Water Frontier - Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880*. Singapore and Rowman & Littlefield Publishers, INC. tr. 74.

19) *Quốc sử quán triều Nguyễn (2002). Đại Nam thực lục chính biên (tập 1)*. NXB Giáo dục. tr. 227-228.

ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm vật của tàu và các thứ đổi mỗi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai cai đội Hoàng Sa kiêm quản”²⁰.

Về thuật ngữ, khái niệm “Bắc Hải” có thể là do họ Mạc sử dụng đầu tiên, sau thành tên gọi chính thức nhằm để chỉ lực lượng hải binh của chính quyền Đàng Trong. Đội Bắc Hải chủ yếu hoạt động ở vùng Biển Tây Nam, góp phần bảo vệ chủ quyền và lợi ích thương mại của họ Mạc ở Hà Tiên. Lực lượng này ra đời ngay sau khi chúa Nguyễn Phúc Chu (cq: 1691-1725) cho đặt phủ Bình Thuận vào năm Đinh Sửu thứ 6, tức năm 1697. Từ đó, đội thủy binh Bắc Hải đã thường xuyên đến khảo sát, khẳng định chủ quyền ở vùng biển phương Nam của đất nước.

Điều đáng chú ý là, sau khi giành đoạt được vương quyền, Gia Long (cq: 1802-1819) đã sớm có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng để bảo vệ, khẳng định chủ quyền ở miền Tây Nam Bộ và vùng Biển Tây Nam. Triều đình Huế, từ Gia Long đến Minh Mạng (cq: 1820-1840), Thiệu Trị (cq: 1841-1847), Tự Đức (cq: 1848-1883)... đều có những quan tâm đặc biệt đến vùng biển đảo phương Nam của đất nước. Đây là vùng biển được triều đình Huế xác định là không gian biển cần gia tăng sự quản lý, khẳng định chủ quyền. Năm 1816, Gia Long đã cho tích hợp các hoạt động của đội Hoàng Sa, Bắc Hải với đội Thủy Quân nhằm khẳng định chủ quyền đầy đủ, toàn vẹn của nhà nước Đại Nam trên các vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Tây Nam của Tổ quốc [19, tr. 192-199].

Đến thời Minh Mạng, cùng với việc tiếp tục xác lập các đơn vị hành chính, triều đình Huế cũng tăng cường quản lý xã hội, phòng chống dịch bệnh²¹, khai thác các nguồn tài nguyên ở Hà Tiên và châu thổ Cửu Long. Năm 1832, nhà vua cho rằng: “Côn Lôn thủ, và Hà Tiên Phú Quốc thủ đều là những nơi xung yếu, dân ở đông đúc, thế mà thường có giặc biển ẩn hiện. Liền truyền dụ cho quan thành chọn đất 2 chỗ thủ ấy, xây đặt pháo đài, liệu cấp súng đạn, khí giới, thuyền bè, phái quân đóng giữ”²². Để giữ quân uy, triều Nguyễn còn đề ra Định lệ treo cờ, bắn súng ở pháo đài Kim Dữ thuộc Hà Tiên. Theo đó, ở pháo đài này treo “cờ vải vàng 1 lá rộng 5 thước 5 tấc, dài 6 thước 6 tấc. Gặp những ngày khánh tiết và ngày rằm, mồng một thì treo cờ, Định 6 năm thay một lần. Từ nay, những thuyền đồng lớn từ Kinh phái đi, qua lại tấn sở, khi đậu lại, nếu trên thuyền có treo cờ vàng, bắn đại bác thì lập tức trên pháo đài treo cờ vàng bắn 3 phát đại bác. Nếu cả đoàn thuyền đều đến, dẫu bắn súng nhiều nhưng trên cũng chỉ bắn 3 phát thôi. Còn thuyền ngoại quốc đến đỗ ở tấn sở, lúc bỏ neo hay lúc nhổ neo, nếu có kéo cờ, bắn súng thì không cơ hiệu gì, súng bắn nhiều hay ít, trên đài cũng chỉ bắn 3 phát, không cần kéo cờ”²³.

Để bảo vệ an ninh, triều đình Huế cũng định ngạch cấp cho Hà Tiên thuyền Điện hải 5 chiếc, thuyền Sam bản nhỏ 5 chiếc, thuyền Hải đạo, thuyền Lê mỗi thứ 5 chiếc, thuyền Chu 10 chiếc, cộng 30 chiếc để tuần phòng vùng biển đảo. Cũng trong thời gian đó, năm 1832, vua Minh Mạng đã rất quan tâm đến việc bảo đảm an ninh ở Côn Lôn và Phú Quốc: “Vua nghĩ bãi Côn Lôn và bãi Phú Quốc thuộc tỉnh Hà Tiên dân chúng tụ tập đã nhiều mà giặc bể vẫn đi lại quấy rối, mới truyền dụ quan tỉnh Hà Tiên, lập tức ở hai nơi ấy chọn địa thế để xây pháo đài, rồi cấp cho súng đạn, khí giới, tàu thuyền và phái quân đến đóng giữ; dân ở đấy cũng cấp cho khí giới để dự vào việc phòng giữ. Lại đặt đồn Phú Quốc, xung quanh đều xây bằng đá”²⁴. Nhà vua cũng từng dụ bảo Bộ Binh: giặc bể ở đảo Đồ Bà vào khoảng giao thời mùa Hè và mùa thường lên đến để quấy dân chúng ở gần bể. Vậy, sai tỉnh Bình Định, Phú Yên, tỉnh Khánh Hòa ước lượng mà cấp súng ô sang và giáo mác cho các xã thôn để chống với giặc cướp. Tháng 3-1833, vua Minh Mạng bắt đầu đặt đồn Phú Quốc thuộc Hà Tiên. Lúc bấy giờ, Phú Quốc đã có cư dân

20) Lê Quý Đôn (1977). *Phủ biên tạp lục*. Sdd. tr. 120.

21) Năm Minh Mạng thứ nhất (1820) ở Hà Tiên, Vĩnh Thanh, Định Tường phát bệnh dịch lớn. Nhà vua “Dụ cho sở tại làm lễ cầu đảo. Người bị bệnh không kể quan, quân hay dân đều cho thuốc men. Người chết, quân lính thì theo lệ cấp tiền tuất và cấp thêm một tấm vải; dân thì dân ông, dân bà, người già người trẻ, mỗi người cấp 3 quan tiền. Người nào hải cốt bộc lộ thì nhà nước liệm táng cho. Lại sai trung sứ tuyên dụ cho quan địa phương phải thân đi cấp tiền tuất, hỏi thăm dịch khí nhẹ hay dữ, và số quân bị ốm chết, cứ ngày một lần tâu”. Quốc sử quán triều Nguyễn. (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 2). NXB. Giáo dục. tr. 70.

22) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 3) NXB Giáo dục. tr.384.

23) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 3). Sdd. tr.391.

24) Quốc sử quán triều Nguyễn (2010). *Minh Mệnh chính yếu*. NXB Thuận Hóa, Huế. tr. 1649.

đồng đúc, có bãi cát rộng phẳng 50-60 trượng, suốt bốn mùa, tám hướng gió thuyền bè đều có thể đậu được nhưng các toán cướp biển thường hay đến quấy phá nên cho lập pháo đài để chế độ phòng thủ trở nên nghiêm cẩn.

Theo ghi chép của *Thực lục*, đồn Phú Quốc, xung quanh xây bằng đá núi, trên dựng một căn phòng cho lính đương ban đóng. Trên đồn đặt 4 khẩu hồng y cương pháo, 8 khẩu quá sơn đồng pháo, phải 50 lính tinh đến đóng giữ. Lại cho phép lấy thêm dân sở tại để phụ giúp vào việc canh giữ, cấp cho khí giới và thuyền bè để tăng cường việc canh giữ, bố phòng. Tháng 5-1833, triều Nguyễn cho Hà Tiên được tích trữ chì 300 cân, đồng đỏ 100 cân, diêm tiêu 1.000 cân, lưu hoàng 200 cân. Đó là nguyên liệu cơ bản để chế tạo vũ khí. Việc đặt đồn bảo ở Phú Quốc Hà Tiên, chia lính tuần phòng là nhằm: “để răn ngừa sự lo bất ngờ. Như thế thì ta ngăn giữ bờ biển đã có cái thể đang sợ mà không thể xâm phạm được. Việc võ bị mà chính đồn thì người ngoài trông thấy cũng đủ tiêu tan lòng tà. Không những người Tây dương cách trở xa xôi, không dám trông thẳng vào nước ta mà nước mạnh láng giềng tiếp giáp cõi đất, cũng không dám lại manh tâm nhòm ngó nữa”²⁵. Năm 1838 cùng với đồn Phú Quốc, nhà Nguyễn còn cho dựng thêm đồn Hàm Ninh bởi Phú Quốc là chỗ bờ biển quan yếu, 12 thôn sở tại có địa thế khá rộng lớn, cho dựng thêm đồn ở thôn An Thái để ngừa giặc biển²⁶.

Để khẳng định cương giới, chủ quyền lãnh hải ở vùng Biển Tây Nam, trên Cửu Đỉnh ở Đại Nội, kinh đô Huế (được vua Minh Mạng cho đúc từ tháng 12-1835, hoàn thành năm 1837), triều Nguyễn đã khắc rõ các địa danh: *Đông Hải*, *Nam Hải*, *Tây Hải*. Địa danh *Đông Hải* được khắc trên Cao Đỉnh, là đỉnh lớn nhất trong Cửu Đỉnh. *Nam Hải* được khắc trên Nhân Đỉnh và *Tây Hải* được khắc trên Chương Đỉnh. Năm 1836, khi đúc xong Cửu Đỉnh, nhà vua cho khắc hình tượng Biển Đông trên Cao Đỉnh [7, tr. 83], [26, tr. 179-185].

Trong Biển Đông có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của nhà nước Đại Nam - Việt Nam. Đó là vùng “*Bản quốc hải cương Hoàng Sa xứ tối thị hiểm yếu*”²⁷. Nam Hải chỉ vùng biển phía Đông Nam thuộc chủ quyền Việt Nam. Tây Hải là vùng biển phía Tây thuộc chủ quyền nước ta, có các đảo: Đại Kim, Mãnh Hòa, Nội Trúc, Phú Quốc, Thổ Châu... Sau khi hoàn thành, Cửu đỉnh được đặt uy nghiêm, trang trọng trước Thế Miếu, công trình kiến trúc quan trọng bậc nhất trong kinh đô Huế. Ngày Quý Mão, tháng giêng năm Đinh Dậu (từ 01-3-1837) vua Minh Mạng đích thân đến dự lễ khánh thành Cửu Đỉnh. Chín đỉnh được đúc có độ cao trung bình từ 5 đến 6 thước, vòng lưng to 11 thước 6 tấc đến hơn 8 tấc, nặng 4.100 cân hay 4.200 cân²⁸. Phàm các yếu tố thiên văn, địa lý nhân văn, địa danh nổi tiếng trong nước (núi, sông, cửa biển,...) cùng đồ binh khí, xe, thuyền tiêu biểu, cho đến các loài chim cá, giống thú, cây cỏ điển hình đều được khắc, chú giải đầy đủ. Mỗi đỉnh đều khắc 17 bức họa tiết, 1 bức họa thư, tất cả có 162 hình khắc. Cửu đỉnh được coi là bộ “*Dư địa chí*” là tác phẩm lịch sử, văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu của vương triều Nguyễn và là di sản lịch sử văn hóa Việt Nam. Khi triển khai đúc Cửu Đỉnh, vua Minh Mạng từng chỉ đạo Nội Các: “Đỉnh là để tỏ ra ngôi vị đã đúng, danh mệnh đã tụ lại. Thực là đồ quý trọng ở nhà tôn miếu,... Trẫm kính nối nghiệp trước, vâng theo đường lối rõ ràng. Nay muốn phỏng theo đời xưa, đúc 9 cái đỉnh để ở nhà Thế miếu,... Đó là để tỏ ý rằng muôn năm bền vững, đời truyền đời sau. Chuẩn cho quan phần việc theo đúng kiểu mẫu mới định mà đúc”²⁹. Theo các tác giả *Thực lục*, khi hoàn thành công việc vua Minh Mạng còn căn dặn triều thần: “Nay bắt trước người xưa mà

25) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 5). NXB Giáo dục. tr. 829.

26) Đồn Hàm Ninh dài 32 trượng, chiều cao chiều dày cũng như đồn Phú Quốc, 4 mặt đều đóng hàng rào gỗ, bên tả xây một cửa cao 8 thước, rộng 5 thước, trên bắc bằng gỗ; hào đào rộng 8 thước, sâu 3 thước; bên trong đồn có trại lính 3 gian 2 chái; đoạn giữa phía mặt trước, dựng một cái chòi cao 2 trượng; 2 góc tả, hữu đặt 2 cỗ súng đồng quá sơn, 1 suất đội 20 binh đóng giữ ở đây”. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 5). Sđd. tr. 241.

27) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 4). NXB Giáo dục. tr. 867.

28) Những người thực hiện đúc Cửu Đỉnh đã nghiên cứu kỹ Kinh Dịch, lịch sử và điều kiện tự nhiên của toàn thể quốc gia Đại Nam để thực thi nhiệm vụ. Tên gọi của mỗi đỉnh đều ứng với thực hiệu của một hoàng đế triều Nguyễn. Theo đó 1. Cao Đỉnh (Gia Long) có trọng lượng 2601,4kg, 2. Nhân Đỉnh (Minh Mạng): 2152,6kg, 3. Chương Đỉnh (Thiệu Trị): 2079kg, 4. An Đỉnh (Tự Đức): 2595,7kg, Nghị Đỉnh (Kiến Phúc): 2595,7kg, Thuần Đỉnh (Đồng Khánh): 1950,3kg, Tuyên Đỉnh (Khải Định): 2066,4kg, Dụ Đỉnh (Hàm Nghi): 2017kg, Huyền Đỉnh (Duy Tân): 1935kg. Triều Nguyễn đã huy động những người thợ, nghệ nhân tài khéo và dùng 22473kg đồng để đúc Cửu Đỉnh.

29) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 4). Sđd. tr. 792-793.

lấy ý thêm bớt, đúc thành 9 đỉnh to, sừng sững đứng cao, to lớn nặng vững, không vết mẻ chút nào, đáng làm của báu, đời đời con cháu, giữ mãi đến không bao giờ hết. Vậy thông dụ cho 31 trực tỉnh và thành Trấn Tây đều biết”³⁰.

Năm 1836, nhà vua từng chỉ dụ quan Thượng thư Bộ Binh: “Nước ta bờ biển rất dài, việc đi tuần ngoài bể là quan trọng và thiết yếu, nay chuẩn cho Kinh đô và địa phương gần bể, hằng năm tháng 2 thời phái lính đi tuần ngoài bể đến tháng 7 hay tháng 8 thì trở về. Còn từ Gia Định đến tỉnh Hà Tiên thì tháng 4 đi tuần, tháng 10 trở về”³¹. Theo lệnh vua, những người đi tuần biển phải dành toàn tâm, toàn ý thực thi nhiệm vụ, tra xét kỹ càng, ai bắt được giặc thì khen thưởng, ai không lập được công trạng mà lại để cho giặc nổi lên thì bị trị tội. Ý thức sâu sắc về chủ quyền biển đảo, các mệnh lệnh, nhiệm vụ đều được thực thi nghiêm cẩn. Như vậy, tiếp nối tư duy, cách thức quản lý biển đảo của các chúa Nguyễn, các vua đầu triều Nguyễn là Gia Long, Minh Mạng, ... đã xác lập những nguyên tắc, định chế căn bản về quản lý biển đảo, khai thác, phát huy tiềm năng biển. Truyền thống đó vẫn được tiếp nối ở các triều đại sau.

2.4. Chính sách kinh tế của vua Gia Long và Minh Mạng

Tháng 12 năm 1818, Gia Long bắt đầu cho đào đường sông từ Châu Đốc đến Hà Tiên. Đó chính là kênh Vĩnh Tế nổi tiếng. Mục đích chủ yếu khi đào con kênh tiếp giáp với Chân Lạp này là để tiện cho công tư đi lại, dân Chân Lạp cũng được nhờ lợi, đồng thời như lời nhà vua dụ cư dân Vĩnh Thanh (lực lượng chính tham gia đào kênh, 5.000 người): “Đào con sông này là công việc rất khó nhọc. Kể sách của nhà nước, mưu hoạch việc biên thủy, đều quan hệ không nhỏ. Các người nay khó nhọc mà thực có lợi muôn đời. Vậy nên bảo nhau đừng sợ khó nhọc”³². Năm 1824, thời Minh Mạng, con kênh đào xong. Đó không chỉ là đường biên giới phân định với Chân Lạp mà còn là công trình thủy nông lớn nhất Nam Bộ, là tuyến giao thương quan trọng, đồng thời là công trình cải tạo môi trường, hệ sinh thái, điều hòa nguồn nước lũ ở vùng Tứ giác Long Xuyên [23].

Sau những thách thức khắc nghiệt của lịch sử, vùng hạ châu thổ Cửu Long trở lại với cuộc sống yên bình. Nhiều mối quan hệ giao lưu kinh tế, văn hóa với các quốc gia khu vực lại được khôi phục. Ở Hà Tiên: “Người Kinh, người Man ở lẫn nhau, quá nửa làm nghề buôn bán... Người Trung Quốc, người Cao Miên, người Chà Và hay ở ven biển để sinh nhai; người ta không định cư một chỗ mà thiên di không thường”³³. Trong môi trường kinh tế và văn hóa đó, người Hà Tiên đã dần tạo dựng cho mình một thế ứng xử và đặc trưng văn hóa riêng biệt. Theo các sử gia triều Nguyễn, cư dân Hà Tiên có “Tính người nhẹ nhõm, ham thích phong lưu; không ai gian tham, không ai trộm cướp, phần nhiều hào phóng”³⁴. Và chính những con người phong lưu, hào phóng đó đã chung sức, chung lòng xây dựng, bảo vệ đất Cà Mau - Hà Tiên và Biển Tây Nam. Nhờ có tư duy mở và tinh thần lao động sáng tạo mà ở Hà Tiên, “Đường phố quán xuyên, phố xá liên tiếp, người Kinh, người Trung Quốc, người Cao Miên, người Chà Và chia khu mà ở. Tàu biển, thuyền sông đi lại như mắc cửi, thật là một nơi đô hội ở miền biển vậy”³⁵. Hào khí và sự phồn thịnh đó phần lớn đều được khởi nguồn từ thời Mạc Cửu, Mạc Thiên Tứ.

Về vùng Biển Tây Nam, ngay sau khi lên ngôi năm 1802, nhận thấy trấn Hà Tiên từng chịu nhiều tác động của những cơn binh lửa, Gia Long đã sai Trấn thủ Mạc Tử Thiêm chiêu phủ dân trở về sinh sống, khiến cho dân yên hợp, đồng thời cho miễn thuế lao dịch. Tiếp đó, ông còn xuống chiếu, quyết định bỏ một số loại thuế bởi: “Hà Tiên là nơi biên giới ở xa. Triều trước dựng trấn tiết cốt để làm bảo chướng, chứ không phải cốt để thu thuế. Từ khi quân nổi dân vật điều hao, Tử Thiêm có chức phận giữ đất để chặn dân, thế mà không biết thể theo đức ý, lại còn đòi kiếm ngoài ngạch, bóc lột dân để nuôi béo mình, ... Vậy các tạp thuế như thuế mổ lợn, thuế thuốc phiện, thuế sòng bạc đều bỏ hết. Thuế thân, thuế thuyền

30) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 5) Sđd. tr. 21-22.

31) Quốc sử quán triều Nguyễn (1998). *Minh Mệnh chính yếu*. NXB Thuận Hóa. Huế. tr. 1659.

32) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 1) NXB Giáo dục. tr. 997.

33) Quốc sử quán triều Nguyễn (2012). *Đại Nam nhất thống chí* (tập 5). NXB Lao động. tr. 10.

34) Quốc sử quán triều Nguyễn (2012). *Đại Nam nhất thống chí* (tập 5) Sđd. tr. 10.

35) Quốc sử quán triều Nguyễn (2012). *Đại Nam nhất thống chí* (tập 5). Sđd. tr. 24.

chưa có định ngạch cũng đều miễn cả. Duy có dân tịch thì đăng ở Hộ bộ để biết rõ số dân thời”³⁶. Theo các sử gia triều Nguyễn: “Tờ chiếu ban xuống dân rất vui mừng”.

Hiển nhiên, sự phát triển của Hà Tiên luôn nằm trong mạng lưới liên kết, tương hỗ với các vùng kinh tế và thị trường trao đổi, cung cấp hàng hóa trong nước, quốc tế. Với thị trường nội địa, đến thế kỷ XIX, các sử gia nhà Nguyễn từng viết về hoạt động nhộn nhịp của các chợ Hà Tiên: “Chợ Mỹ Đức ở huyện Hà Châu có quán xá liên tiếp, người Kinh, người Trung Quốc thường hay tụ họp; chợ Sái Phu ở huyện Kiên Giang, tục gọi là chợ Rạch Giá phổ xá đồng đúc, thuyền buôn tấp nập; chợ Hoàng Giang ở huyện Long Xuyên, phố xá trù mật, thuyền buôn tụ họp và đặc biệt là có chợ Sân Chim” ở địa phận thôn Đồng An và Vĩnh Hoà huyện Kiên Giang, có một sở sân chim, chim biển tụ họp hàng ngàn, hàng vạn, hằng năm đến kỳ sinh đẻ, các nghiệp hộ lĩnh trưng, gọi là “thuế sân chim”, họ lấy cánh và lông chim bán cho lái buôn Trung Quốc”³⁷.

Hiểu rõ tiềm năng kinh tế của châu thổ Cửu Long, năm 1836 vua Minh Mạng đã đề ra Định lệ hàng năm thu mua sản vật ở các tỉnh từ Quảng Nam đến Hà Tiên. So sánh nguồn hàng giữa các địa phương ta thấy, Gia Định là địa phương được/bị thu mua nhiều nhất. Tuy nhiên, trừ binh lang phải nộp 10.000 cân, các sản vật khác đều không có định mức cụ thể. Trong khi đó, Biên Hòa và Hà Tiên là hai địa phương có 12 sản vật được thu mua. Với Hà Tiên, có 7 loại sản vật từ biển và 6 loại sản vật từ núi rừng: hồ tiêu và 5 loại gỗ. Trong đó, nổi lên 3 loại sản phẩm chính là: Tôm khô (10.000 cân), cá thiết linh khô (10.000 cân) và hồ tiêu (10.000 cân). Qua đó có thể thấy, triều đình Huế đã có những am hiểu tường tận và rất coi trọng nguồn lực kinh tế, chất lượng sản phẩm của vùng đất - biển đảo địa đầu này.

Để thu hút giới thương nhân và phục hưng vai trò kinh tế của Hà Tiên, năm 1811, nhà vua lại tiếp tục đề nghị bỏ lệnh buôn thóc cho trấn này. Nhờ đó, “việc mua bán lưu thông, dân đều được tiện”. Cùng với đó, triều Nguyễn cũng đặt ra ngạch thuế (theo kích thước) cụ thể cho các thuyền buôn Hà Tiên, Xiêm La, Hạ Châu, Hải Nam, Chà Và,... Theo đó: “Vàng, bạc, muối, gạo, tiền đồng, kỳ nam, trầm hương đều cấm không được mua bán. Các hàng quý như ngà voi, sừng tê, đậu khấu, sa nhân, nhục quế, hồ tiêu, gỗ vang, gỗ mun, gỗ hồng, thuyền buôn Hà Tiên, Xiêm La có mua để chở về thì cứ chiếu theo giá mua, cứ mỗi 10 quan tiền phải nộp thuế hàng 5 tiền. Nếu chở đi các trấn để bán lại cho người bản địa thì miễn thuế”³⁸. Gia Long cũng ra lệnh cấm không cho các chủ thuyền buôn được chở người trái phép, quy định các thương thuyền chỉ được phép đến buôn bán ở các thương cảng của bốn trấn từ Gia Định đến Quảng Ngãi (không được phép đến vùng kinh đô Huế, chắc hẳn vì lý do an ninh). Thương nhân trong nước cũng như người Hoa sinh sống ở Nam Bộ không được tự ý đi đến Hạ Châu, Xiêm La buôn bán,... Những ai trái lệnh đều bị nghiêm trị.

Trong tầm nhìn của người đứng đầu triều Nguyễn, Hà Tiên là địa bàn trọng yếu nơi biên ải. Vì thế, Gia Long đã lệnh cho Trấn thủ Hà Tiên là Trương Phúc Giáo, Hiệp trấn Bùi Đức Miên thực hiện chính sự rộng rãi, giản dị, không làm phiền nhiễu dân, sửa sang trại quân, chiêu dân xiêu dạt, đặt trường học, khẩn ruộng hoang, vạch định phố chợ, chia phân khu để người Việt, người Hoa, người Chân Lạp, người Chà Và ở thành những khu riêng³⁹. Chính sách đó đã góp phần làm giảm thiểu những vấn đề xã hội phức tạp giữa các cộng đồng cư dân. Mặt khác, để bảo vệ chủ quyền, an ninh, nhà vua cũng lệnh cho những người đứng đầu Hà Tiên, Long Xuyên, Kiên Giang phải thường xuyên thăm dò động tĩnh của người Xiêm để báo cáo về triều đình. Tổng trấn thành Gia Định cũng phải 5 ngày một lần báo cáo về tình hình biên ải. Trong nhận thức của người đứng đầu triều Nguyễn: Châu Đốc, Hà Tiên có tầm quan trọng như Bắc Thành.

Cùng với thế lực Xiêm La, triều Nguyễn cũng chú ý đến sự thâm nhập của “giặc biển Chà Và” thường tụ họp ở vùng Biển Tây Nam để cướp bóc. Tình trạng đó khiến cho cư dân sinh sống trên đảo Phú Quốc lo sợ, không yên tâm buôn bán, làm ăn. Gia Long từng sai thành thần Gia Định đem quân đi bắt đồng

36) Quốc sử quán triều Nguyễn (2002). *Đại Nam thực lục* (tập 1). Sdd. tr. 788.

37) Quốc sử quán triều Nguyễn (2012). *Đại Nam nhất thống chí* (tập 5). Sdd. tr.28.

38) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 1) Sdd. tr. 762.

39) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 1) Sdd. tr.821.

thời cho người Mã Cao, Tây Dương đến buôn bán ở Gia Định. Tại đây, thương nhân trong nước, quốc tế có thể “nộp thuế cảng và thuế hàng hóa hoặc bằng bạc ngoại quốc, bạc trung bình, hoặc toàn bằng bạc, toàn bằng tiền hoặc nửa bạc, nửa tiền, đều theo ý muốn không có hạn chế”⁴⁰. Chính sách thận trọng, nghiêm cẩn trong quản lý hành chính, bảo vệ an ninh nhưng thoáng mở, rộng rãi trong giao thương, kinh tế đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mau chóng của vùng biển đảo Tây Nam. Vào thế kỷ XIX, ở Hà Tiên cư dân “quá nửa làm nghề buôn bán”⁴¹. Vì nguồn lợi kinh tế, người Việt và người ngoại quốc, người nhập cư thường xuyên có sự giao hòa về xã hội, kinh tế. Phú Quốc trở thành không gian kinh tế đa ngành: nông nghiệp, ngư nghiệp, chế biến hải sản, buôn bán. Thuyền buôn từ miền Trung và nhiều quốc gia khu vực (Trung Quốc, Chân Lạp, Đông Nam Á) đã tập trung đến buôn bán ở Phú Quốc, Hà Tiên...

3. Nhận xét, kết luận

Cũng như Địa Trung Hải từng “nuôi dưỡng” nền văn minh Hy Lạp - La Mã, Ai Cập và các nền văn hoá vùng Tây Á, từ những thế kỷ đầu Công nguyên, biển Đông Nam Á đã là môi trường tự nhiên thuận lợi cho sự sinh thành của nhiều quốc gia khu vực. Với vùng Biển Tây Nam, từ thế kỷ II-III nhiều thuyền buôn, sứ đoàn, nhà truyền giáo từ Nam Á, Đông Bắc Á... đã tụ hội về vùng hạ châu thổ Mekong để giao lưu, buôn bán. Hệ sinh thái đa dạng, phồn thịnh của vùng hạ châu thổ Mekong, biển đảo Tây Nam đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mau chóng của văn hóa Óc Eo và các nền văn hóa khu vực. Đến thế kỷ XV-XVII, Thời đại hoàng kim của thương mại châu Á (1450-1680), vùng Biển Tây Nam đã từng bước phục hưng được vị thế kinh tế, thương mại. Nguồn sản vật phong phú của miền Tây như hương liệu, trầm hương, da hươu, da cá sấu, da trăn, sừng tê, ngà voi, đồi mồi [2], [6, tr. 194 -2001], [18]. và cả lúa gạo... trở thành nguồn thương phẩm có giá trị cao trên thị trường quốc tế. Tiềm năng, nguồn lực kinh tế, môi trường kinh doanh... đã có sức hút mạnh mẽ với nhiều tập đoàn thương nhân và cả các nhóm người tìm đến định cư. Hoạt động kinh tế, xã hội đó đã tạo cơ sở thiết yếu cho sự ra đời của nhiều cảng thị, trung tâm kinh tế ở vùng đất phương Nam.

Tiếp nối truyền thống, đến thế kỷ XVII-XVIII các chúa Nguyễn và tiếp đó là vương triều Nguyễn đã lập được nhiều kỳ tích trong các chiến lược khai thác, khẳng định chủ quyền. Nhận thức rõ tiềm năng, thế mạnh vượt trội của một không gian kinh tế, các vua đầu triều Nguyễn đã thực thi đồng thời nhiều chính sách, huy động các nguồn lực từ châu thổ Cửu Long, vùng biển đảo Tây Nam để chấn hưng kinh tế, mở rộng ảnh hưởng khu vực. Đó là không gian sinh tồn truyền thống, vùng kinh tế trọng điểm, cửa ngõ giao lưu quốc tế của đất nước. Trong lịch sử Việt Nam, quá trình lãnh thổ luôn gắn liền với tiến trình xác lập, thực thi chủ quyền trên các không gian biển đảo. Châu thổ Cửu Long là địa bàn chiến lược bảo đảm an ninh lương thực của đất nước. Biển Tây Nam, đặc biệt là vùng biển Hà Tiên - Phú Quốc, chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên tự nhiên, nhân văn tạo đà cho việc thực hiện *Chiến lược kinh tế biển xanh* và phát triển bền vững của Việt Nam.

Ngày nay, trong bối cảnh quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế trở thành xu thế của thời đại, cùng với các chính sách khai thác, phát huy tài nguyên kinh tế, các tỉnh Tây Nam Bộ đã và đang huy động các nguồn lực văn hóa, coi trọng tài nguyên vị thế trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ chủ quyền biển đảo⁴² [11, tr. 133-180]. Vùng biển đảo Tây Nam có nhiều điều kiện để trở thành trung tâm du lịch quốc tế; đầu mối giao thương liên Á; trung tâm khẩu hàng hóa (nhất là nông sản sạch, chất lượng cao), đồng thời là vùng kinh tế biển trọng điểm của đất nước. Ở đó, có thể đồng thời phát triển du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, dịch vụ hàng hải, tài chính - ngân hàng, nuôi trồng, chế biến hải sản,... Sự hiện diện của các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp quốc tế, đầu tư hợp tác hướng đến mục tiêu phát triển vùng biển đảo Tây Nam đã và đang góp phần khẳng định cương giới lãnh

40) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam thực lục* (tập 1). Sdd, tr. 971.

41) Quốc sử quán triều Nguyễn (2004). *Đại Nam nhất thống chí* (tập 5). Sdd, tr. 10.

42) Phạm Quý Nhân (chủ biên, 2018). *Định hướng quy hoạch không gian biển Phú Quốc - Côn Đảo phục vụ phát triển bền vững*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. tr. 135-137, 137-159.

thổ, lãnh hải của Việt Nam⁴³. Phú Quốc, Thổ Châu và các cảng, đảo vùng Biển Tây Nam không chỉ là các trung tâm kinh tế mà còn là những lá chắn vững chắc bảo vệ lợi ích quốc gia, sự toàn vẹn về chủ quyền và an ninh đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Chí Hoàng (chủ biên, 2018). *Khảo cổ học Nam Bộ thời sơ sử*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [2] Bùi Chí Hoàng (chủ biên, 2017). *Khảo cổ học Nam Bộ thời tiền sử*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Bùi Quang Thắng (2018). *Văn hóa biển đảo Việt Nam - Văn hóa biển đảo Phú Quốc*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] Choi Byung Wook (2011). *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng*. NXB Thế giới, Hà Nội.
- [5] Choi Byung Wook (2004). *The Nguyen Dynasty's Policy toward Chinese on the Water Frontier in the First Half of the Nineteenth Century*. Trong Nola Cooke and Li Tana: "Water Frontier - Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region 1750-1880".
- [6] Chu Lang Trần Phình Chu (2000). *Nghề đổi mới Hà Tiên - Mỹ nghệ thủ công truyền thống dân gian Việt Nam*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Dương Phước Thu (2010). *Đất nước Việt Nam qua Cửu Đình Huế*. NXB Tri thức, Hà Nội.
- [8] J.Kathirithamby-Wells (1992). *The Mid-eighteenth to the Early Nineteenth Centuries*. Trong Nicholas Tarling (Ed.): *The Cambridge History of Southeast Asia*. Vol.1. The Cambridge University Press.
- [9] Keith W.Taylor (1993). *Nguyen Hoang and the Beginning of Vietnam's Southward Expansion*. Trong Anthony Reid (Ed.): *Southeast Asia in the Early Modern Era - Trade, Power, and Belief*. Cornell University Press.
- [10] Kenneth R.Hall (1985). *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*. University of Hawaii Press.
- [11] Lê Đức An (2008). *Hệ thống đảo ven bờ Việt Nam - Tài nguyên và Phát triển*. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
- [12] Lê Trọng (2018). *Đảo Lý Sơn với Đại dương và Biển đảo Việt Nam*. NXB Tài nguyên, Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
- [13] Li Tana. (2004). *The Water Frontier: An Introduction*. Trong Nola Cooke and Li Tana: *Water Frontier - Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880*.
- [14] Li Tana. (2006). *The Eighteenth-Century Mekong Delta and Its World of Water Frontier*. Trong Nhung Tuyet Tran and Anthony J.S.Reid (Ed.): *Vietnam Borderless Histories*. The University of Wisconsin Press.
- [15] Nguyen Van Kim - Tran Van Manh (2020). *Cham Islands in Champa Maritime Space from 11th to 15th Century*. Vietnam Academy of Social Sciences. Vietnam Social Sciences. No.1 (195).
- [16] Nicholas Tarling (Ed.). (1992). *The Cambridge History of Southeast Asia*. Vol.I. From Early Time to c.1800. Cambridge University Press.
- [17] Nguyễn Bình Phương Thảo, Nguyễn Thanh Lợi (2016). *Tín ngưỡng dân gian Phú Quốc*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [18] Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990). *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [19] Nguyễn Quang Ngọc (2017). *Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa, Trường Sa - Tư liệu và sự thật lịch sử*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [20] Nguyễn Văn Kim (2011). *Ốc Eo - Phù Nam: Vị thế lịch sử và các mối quan hệ khu vực*. Trong: *Việt Nam trong thế giới Đông Á - Một cách tiếp cận liên ngành và khu vực học*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội..
- [21] Nguyễn Văn Kim (2003). *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVII*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [22] Nguyễn Văn Kim (2019). *Biển Việt Nam và các mối giao thương biển*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [23] Nguyễn Văn Kim (2024). *Kênh Vĩnh Tế - Di sản lịch sử và giá trị văn hóa*. Trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học "200 năm kênh Vĩnh Tế - Giá trị lịch sử, tầm nhìn tương lai". Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, An Giang.
- [24] Phan Huy Lê (2008). *Qua di tích Ốc Eo và thư tịch cổ - Thử nhận diện nước Phù Nam*. Trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: *Văn hóa Ốc Eo & Vương quốc Phù Nam*.
- [25] Phan Huy Lê, Bùi Đăng Dũng, Phan Đại Doãn, Phạm Thị Tâm, Trần Bá Chí (1976). *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc - Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút*. NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- [26] Phan Thanh Hải (2015). *Vua Minh Mạng với tầm nhìn chiến lược về biển đảo được thể hiện bằng hình ảnh trên Cửu Đình*. Trong *Văn hóa biển đảo - Bảo vệ và phát huy giá trị*. Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. NXB. Thế giới. 2015.
- [27] Trung tâm Bảo tồn Di tích Hội An (2007). *Cù Lao Chàm: Vị thế - Tiềm năng và Triển vọng*. Hội An.
- [28] Trương Minh Đạt (2008). *Nghiên cứu Hà Tiên*. Tạp chí Xưa và Nay. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [29] Trương Minh Đạt (2008). *Về năm sinh của Mạc Thiên Tích (1718-1780)*. Trong: *Nghiên cứu Hà Tiên*, NXB Trẻ - Tạp chí Xưa và Nay.
- [30] Trương Thanh Hùng (2008). *Văn hóa dân gian đảo Phú Quốc*. NXB Phương Đông, Cà Mau.

43) Phạm Hoàng Hải (2011). *Những mô hình phát triển kinh tế hải đảo Việt Nam*. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. tr. 164.